TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Việt Hòa**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Mỹ D, sinh năm 1993.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Oman.

Người được chị D ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Khu dân cư Cầu Dòng, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Anh Hoàng Thế D1, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và đều có đơn, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị* Hoàng Thị Mỹ D *trình bày:* Chị và anh Hoàng Thế D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 01/8/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D1 làm ăn thua lỗ, không nghe mọi người khuyên bảo dẫn đến tình trạng kinh tế gia đình ngày càng khủng hoảng, vợ chồng nhiều lần xảy ra tranh cãi. Do kinh tế gia đình khó khăn, tháng 02/2022 chị đi lao động tại Oman để trang trải cuộc sống, anh D1 vẫn sống tại gia đình chị nhưng không chịu khó lăm ăn, nợ nần nên gia đình phải trả nợ thay cho anh. Nhiều lần như vậy nên mẹ chị đuổi anh D1 ra khỏi nhà, anh D1 cũng nhiều lần đe dọa mẹ chị và đòi về nhà ở nhưng mẹ chị không đồng ý. Do vậy anh D1 phải đi thuê nhà trọ để ở. Hiện tại, chị đang lao động tại Oman và xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Thế D1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Mộc T, sinh ngày 01/10/2019; Hoàng Ngân T1, sinh ngày 01/10/2019 và Hoàng Trà M, sinh ngày 14/7/2021, hiện các con đang ở với mẹ đẻ chị là bà Hoàng Thị Đ. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và yêu cầu anh D1 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, cả ba con là 3.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam, chị đề nghị giao các con chung cho bà Đ chăm sóc cho đến khi chị về nước, chị có trách nhiệm gửi tiền về cho bà Đ chăm sóc các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị D đang lao động tại Oman nên chị ủy quyền cho chị Trần Thị Cẩm V thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại các bản khai anh* Hoàng Thế D1 *trình bày:* Anh và chị Hoàng Thị Mỹ D có quan hệ hôn nhân như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình chị D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu

năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh nhiều lần làm ăn thua lỗ, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình khiến chị D phải đi lao động tại Oman để trang trải cuộc sống. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau bình thường, nhưng từ đầu năm 2023 mỗi lần chị D liên lạc về cho anh là vợ chồng lại xảy ra cãi nhau. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh không mong muốn vợ chồng ly hôn nhưng chị D cương quyết xin ly hôn nên anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Anh D1 xác định vợ chồng có 03 con chung như chị D trình bày là đúng. Anh nhất trí để chị D chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi các con thành niên và nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, cả ba con là 3.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị D không có mặt ở Việt Nam, anh nhất trí giao các con chung cho bà Đ chăm sóc cho đến khi chị D về nước.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người được chị D ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Trần Thị Cẩm V trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị D, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị D biết, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Hoàng Thị Đ là mẹ đẻ chị D trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng, anh D1 thường xuyên làm ăn thua lỗ, gia đình bà rất nhiều lần phải đứng ra trả nợ cho anh, việc làm ăn của anh D1 vẫn không có tiến triển gì vẫn tiếp tục nợ nần triền miên, khiến kinh tế gia đình khủng hoảng, chị D phải đi lao động ở nước ngoài để trả nợ. Sau khi chị D đi nước ngoài, bố con anh D1 vẫn ở cùng với bà, nhưng anh D1 không thay đổi nên bà đã đuổi anh D1 ra khỏi nhà, anh D1 nhiều lần đe dọa và đòi về nhưng bà không đồng ý. Hiện tại anh D1 đang đi thuê nhà trọ ở khu dân cư C, phường C để ở, chị D chưa về nước. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, quan điểm của bà, việc ly hôn là do anh chị tự quyết định, tuy nhiên anh D1 không có chuyển biến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị D. Con chung của chị D, anh D1 hiện đang ở với bà, bà nhất trí nhận ủy quyền của chị D, có trách nhiệm chăm sóc các cháu cho đến khi chị D về nước và không có yêu cầu, đòi hỏi gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Mỹ D ly hôn anh Hoàng Thế D1. Về con chung: Giao các con chung Hoàng Mộc T, Hoàng Ngân T1 và Hoàng Trà M cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D1 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi các con chung là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao các con chung cho bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị D về nước. Chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh D1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Mỹ D có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang làm ăn, sinh sống tại Oman. Bị đơn anh Hoàng Thế D1 có địa chỉ tại khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị D không có mặt ở Việt Nam nhưng thời gian về nghỉ phép chị đã trực tiếp nộp đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền tại Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Giấy ủy quyền của chị đã được Uỷ ban nhân dân phường xác nhận. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Mỹ D và anh Hoàng Thế D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 01/8/2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D1 không biết tính toán trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên thua lỗ khiến chị D và gia đình nhiều lần phải đứng ra trả nợ cho anh. Gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không nghe khiến kinh tế gia đình khủng hoảng, vợ chồng nhiều lần xảy ra tranh cãi. Do kinh tế gia đình khó khăn, tháng 02/2022 chị D đi lao động tại Oman để trang trải cuộc sống và trả nợ, anh D1 vẫn sống tại gia đình

chị nhưng không thay đổi nên bà Đ đã đuổi anh ra khỏi nhà, vợ chồng mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh D1 không mong muốn vợ chồng ly hôn, nhưng chị D cương quyết ly hôn nên anh cũng nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh D1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị D được ly hôn anh D1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị D và anh D1 có 03 con chung là Hoàng Mộc T, sinh ngày 01/10/2019; Hoàng Ngân T1, sinh ngày 01/10/2019; Hoàng Trà M, sinh ngày 14/7/2021, hiện các con đang ở với bà Hoàng Thị Đ. Chị D và anh D1 thống nhất chị D có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung, anh D1 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, cả 03 con chung là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Chị D ủy quyền cho bà Hoàng Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến khi chị về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị. Tạm giao các con chung Hoàng Mộc T, Hoàng Ngân T1 và Hoàng Trà M cho bà Hoàng Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị D không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh D1 cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Mỹ D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh Hoàng Thế D1 phải chịu án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Mỹ D ly hôn anh Hoàng Thế D1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Hoàng Thị Mỹ D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Hoàng Mộc T, sinh ngày 01/10/2019; Hoàng Ngân T1, sinh ngày 01/10/2019; Hoàng Trà M, sinh ngày 14/7/2021 cho

đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hoàng Thế D1 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng, cả 03 con chung là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi chị D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh D1 không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2021/0004446 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị D đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Hoàng Thế D1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Mỹ D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Thế D1 và bà Hoàng Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường